ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 279 /KH-UBND	*Thanh Hóa, ngày 01 tháng 8 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035, Quyết định số 1991/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026 - 2035 của ngành Giáo dục;

Trên cơ sở tham mưu của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3925/TTr-SGDĐT ngày 29 tháng 7 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Chương trình), với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thống nhất, đồng bộ và hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1991/QĐ-BGDĐT ngày 09/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; cụ thể hóa các nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Thanh Hóa.

- Nâng cao chất lượng công tác y tế trường học và các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, bảo vệ, chăm sóc, quản lý sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nhằm bảo đảm điều kiện người học phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần.

- Phát huy trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương, cơ sở giáo dục, gia đình và xã hội; huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai Chương trình.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm triển khai đúng mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình theo 02 giai đoạn 2026 - 2030 và 2031 - 2035; nhiệm vụ phải có sản phẩm đầu ra, tiến độ, phân công rõ đơn vị chủ trì, phối hợp, cơ chế giám sát, đánh giá.

- Tổ chức thực hiện thiết thực, hiệu quả; ưu tiên chuyển đổi số trong quản trị, theo dõi, tổng hợp, báo cáo; lồng ghép nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn lực của cơ sở giáo dục, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác; bảo đảm công khai, minh bạch, tuân thủ quy định pháp luật.

- Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan ở địa phương và hệ thống y tế cơ sở trong việc triển khai các nhiệm vụ.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi

Chương trình được triển khai tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và các cơ sở giáo dục khác (gọi tắt là cơ sở giáo dục) trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý hiện hành.

2. Đối tượng

- Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên, sinh viên đang học tập tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế trường học, nhân viên tư vấn học đường, nhân viên phụ trách công tác xã hội trường học, nhân viên nuôi dưỡng, người trực tiếp tham gia công tác chăm sóc, giáo dục, quản lý sức khỏe người học tại các cơ sở giáo dục.

- Cha mẹ học sinh và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Thời gian thực hiện:

- Giai đoạn 1: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2031 đến hết năm 2035.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác y tế trường học và các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, bảo vệ, chăm sóc, quản lý sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nhằm bảo đảm điều kiện để người học phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần; góp phần thực hiện các mục tiêu, giải pháp về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026 - 2030

- Phấn đấu đạt 60% cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập có nhân viên y tế trường học chuyên trách theo quy định.

- 100% trường phổ thông nội trú, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dành cho người khuyết tật có nhân viên y tế trường học hoặc được bố trí, hỗ trợ nhân viên y tế theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp (cao đẳng, trung cấp) có nhân viên y tế trường học chuyên trách, đảm bảo trình độ chuyên môn y tế theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục có phòng y tế riêng biệt và có tủ thuốc, thiết bị y tế

thiết yếu theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục có đủ nước uống và nước sinh hoạt đảm bảo chất lượng theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục (có tổ chức bữa ăn, cung cấp dịch vụ ăn, uống khác) đảm bảo các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, học sinh theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục có công trình vệ sinh đạt chuẩn theo quy định.

- 80% cơ sở giáo dục có công trình vệ sinh đạt chuẩn và đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật.

- 100% cơ sở giáo dục tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục về bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng học đường, sức khỏe tâm thần.

- 100% người học được kiểm tra, khám sức khỏe hoặc khám sàng lọc bệnh tật ít nhất mỗi năm một lần và được cập nhật thông tin vào Sổ sức khỏe điện tử kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư.

(Chi tiêu cụ thể từng năm theo Phụ lục I).

3. Giai đoạn 2031 - 2035

Thúc đẩy triển khai hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người học tại các cơ sở giáo dục; giữ vững kết quả đạt được giai đoạn 2026-2030; phấn đấu đạt 100% các chỉ tiêu về nhân lực và cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Giai đoạn 2026 - 2030

1.1. Thực hiện cơ chế, chính sách và tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các quy định của Trung ương về công tác y tế trường học và Chương trình Sức khỏe học đường; rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách của địa phương nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc và quản lý sức khỏe người học.

- Quán triệt, triển khai thực hiện đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ của Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1991/QĐ-BGDĐT ngày 09/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; đưa các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển giáo dục, y tế và các chương trình, đề án có liên quan của địa phương.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở

giáo dục trong triển khai công tác sức khỏe học đường.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy định về giáo dục dinh dưỡng học đường và tổ chức bữa ăn bán trú trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

1.2. Ưu tiên bố trí nhân lực chuyên trách và đào tạo, bồi dưỡng nhân viên y tế trường học

- Rà soát, bố trí, sắp xếp đội ngũ nhân viên y tế trường học theo quy định. Đối với các cơ sở giáo dục chưa bố trí được nhân viên y tế trường học theo quy định, thực hiện phối hợp với cơ sở y tế địa phương hoặc hợp đồng theo quy định nhằm bảo đảm công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người học; xây dựng kế hoạch, lộ trình sắp xếp, tuyển dụng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn, chỉ tiêu biên chế giao; ưu tiên các trường mầm non, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dành cho người khuyết tật và các cơ sở giáo dục có tổ chức bữa ăn bán trú.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi hoạt động cho nhân viên y tế trường học theo quy định của Bộ Y tế và tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, nhân viên y tế trường học, tư vấn học đường.

- Tăng cường đào tạo nội dung công tác y tế trường học, dinh dưỡng học đường, sức khỏe tâm thần cho sinh viên ngành y tế dự phòng và y tế công cộng tại các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe.

1.3. Bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động sức khỏe học đường

- Rà soát, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, các điều kiện vệ sinh trường học, ánh sáng phòng học, các công trình cung cấp nước sạch, nhà vệ sinh đảm bảo đủ số lượng, yêu cầu đáp ứng nhu cầu người học theo quy định, nhất là đối với người khuyết tật, nữ giới.

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng, an toàn thực phẩm; sân chơi, bãi tập để phục vụ các hoạt động giáo dục thể chất và thể thao trường học.

- Bố trí phòng y tế trường học, phòng tư vấn học đường riêng biệt, thân thiện theo quy định; bổ sung thiết bị y tế và thuốc thiết yếu để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người học trong trường học phù hợp thực tế và trình độ chuyên môn của nhân viên y tế trường học.

1.4. Công tác truyền thông, giáo dục, chăm sóc sức khỏe và xây dựng, nhân rộng các mô hình

- Đổi mới nội dung, hình thức truyền thông, giáo dục sức khỏe phù hợp với từng cấp học; tăng cường giáo dục về dinh dưỡng hợp lý, hoạt động thể lực,

phòng chống bệnh tật học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước, tác hại của thuốc lá, rượu, bia, chất gây nghiện và các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe người học.

- Tăng cường giáo dục sức khỏe tâm thần, tư vấn tâm lý học đường, hỗ trợ học sinh có nguy cơ về tâm lý, sức khỏe tâm thần; phòng chống tự gây hại, hỗ trợ giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng ứng phó với bạo lực, bắt nạt học đường và trên môi trường mạng.

- Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức có liên quan trong công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia chăm sóc, bảo vệ sức khỏe học đường; tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

- Tổ chức rà soát Chương trình giáo dục phổ thông, trong đó tăng cường tích hợp các nội dung giáo dục về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, vận động thể lực, sức khỏe tâm thần, phòng, chống dịch bệnh, tật học đường, kỹ năng sơ cứu ban đầu trong các môn học, hoạt động giáo dục liên quan.

- Xây dựng và hướng dẫn triển khai thực hiện các mô hình trường học an toàn, nâng cao sức khỏe, y tế trường học thân thiện, linh hoạt, phù hợp với các cấp học, trình độ đào tạo; nhân rộng mô hình bữa ăn học đường đảm bảo dinh dưỡng hợp lý kết hợp với hoạt động vận động thể lực.

1.5. Ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe người học

- Thực hiện kiểm tra sức khỏe đầu năm học, khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí một số bệnh, tật thường gặp cho người học theo lộ trình quy định; cập nhật, quản lý dữ liệu sức khỏe của người học trên Sổ sức khỏe điện tử, bảo đảm kết nối, liên thông với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định.

- Xây dựng công cụ và ứng dụng chuyển đổi số trong đánh giá tình trạng dinh dưỡng, xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng khi tổ chức bữa ăn học đường; bộ chỉ số sức khỏe học đường và quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe người học và kết quả thực hiện Chương trình.

- Số hóa, chuẩn hóa các sản phẩm truyền thông, giáo dục sức khỏe người học; hoàn thiện, kết nối và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu về sức khỏe học đường, cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ chăm sóc sức khỏe người học, sân chơi, bãi tập, công trình nước sạch, nhà vệ sinh.

1.6. Tăng cường phối hợp, kiểm tra liên ngành và huy động các nguồn lực xã hội

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế phối hợp giữa ngành giáo dục và ngành y tế địa phương, cơ sở quân y, quân dân y trên địa bàn (đối với các xã khu vực biên giới đất liền, đặc khu) trong triển khai công tác y tế trường học, sức khỏe học đường.

- Tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo dinh dưỡng hợp lý của các cơ sở giáo dục và phối hợp kiểm tra liên ngành về công tác y tế trường học, an toàn thực phẩm trong cơ sở giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình với các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; đồng thời tăng cường vận động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, nhà hảo tâm tham gia xã hội hóa, hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị và các hoạt động chăm sóc sức khỏe học đường theo quy định của pháp luật.

2. Giai đoạn 2031 - 2035

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng thực hiện các nhiệm vụ đã triển khai; tập trung:

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu thực tiễn;

- Bảo đảm đủ nhân lực y tế trường học theo mục tiêu của Chương trình;

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng đồng bộ, hiện đại;

- Nâng cao chất lượng công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe, tư vấn tâm lý học đường và nhân rộng các mô hình hiệu quả;

- Hoàn thiện hệ thống dữ liệu số, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về sức khỏe học đường;

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá, huy động nguồn lực xã hội hóa và tổng kết việc thực hiện Chương trình.

(Nhiệm vụ cụ thể được thực hiện theo Phụ lục II).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình được bố trí trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị và các địa phương; chủ động bố trí, lồng ghép các nhiệm vụ và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác ngoài nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và đảm bảo về thời hạn, tiến độ thực hiện.

- Kinh phí chi sự nghiệp giáo dục, các Chương trình mục tiêu quốc gia: hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035; chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035; giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030; xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; phát triển kinh

tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

- Kinh phí từ nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức quốc tế và xã hội hóa từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên phạm vi toàn tỉnh; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương và cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

- Chủ trì kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình; kịp thời tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình theo lộ trình; sơ kết giai đoạn đến năm 2030, tổng kết giai đoạn 2026-2035; định kỳ, đột xuất tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Sở Y tế

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về y tế trường học và tổ chức khám sức khỏe, khám sàng lọc bệnh tật, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần cho người học.

- Chủ trì triển khai Sổ sức khỏe điện tử; phối hợp quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu sức khỏe người học theo quy định liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phối hợp với ngành Giáo dục triển khai công tác khám sức khỏe, khám sàng lọc, quản lý sức khỏe, tư vấn, chăm sóc sức khỏe thể chất và sức khỏe tâm thần cho người học theo quy định.

- Chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh phối hợp với ngành Giáo dục, các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai công tác y tế trường học theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức điều tra, giám sát, theo dõi các bệnh, tật học đường; giám sát, kiểm tra các điều kiện về vệ sinh trường học, chất lượng nước uống, nước sinh hoạt, công trình vệ sinh, vệ sinh môi trường trường học, các yếu tố vệ sinh học đường; thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách hằng năm.

4. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Đề án 06[1]; hướng dẫn kết nối, chia sẻ, xác thực dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Sổ sức khỏe điện tử và các hệ thống thông tin phục vụ quản lý sức khỏe người học; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp hướng dẫn, triển khai các giải pháp bảo đảm nước sạch, vệ sinh môi trường trong các cơ sở giáo dục; lồng ghép với các chương trình, dự án về nước sạch và vệ sinh môi trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao của Chương trình.

7. Các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc tỉnh

Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

8. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan trực thuộc trên các xã biên giới phối hợp với ngành y tế và giáo dục triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe học đường theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Huy động nguồn lực để hỗ trợ các trường học, điểm trường tại các xã biên giới trong việc triển khai các hoạt động chăm sóc sức khoẻ ban đầu, sơ cấp cứu, giám sát vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ em, học sinh.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa

Chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội, các hội đoàn thể liên quan phối hợp với ngành giáo dục, ngành y tế và chính quyền địa phương tham gia triển khai thực hiện Chương trình trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; tham gia tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho các hội viên, cộng đồng về chăm sóc sức khỏe cho người học và tham gia huy động nguồn lực triển khai các nội dung, nhiệm vụ và giải pháp có liên quan của Chương trình.

10. Đề nghị Báo và phát thanh, truyền hình Thanh Hóa

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình; xây dựng chuyên trang, chuyên mục, tin, bài, phóng sự tuyên truyền các mô hình hay, cách làm hiệu quả, điển hình tiên tiến trong công tác y tế trường học, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người học; góp phần

---

[1] Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022–2025, tầm nhìn đến năm 2030" (gọi tắt là Đề án 06).

nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, nhà trường, gia đình và xã hội trong triển khai thực hiện.

11. Đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tuyên truyền, hướng dẫn, tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm y tế đối với người học; chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý sức khỏe theo quy định của pháp luật.

12. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục và cơ sở y tế trên địa bàn phối hợp triển khai các nhiệm vụ của Chương trình; huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện Chương trình theo phân cấp quản lý.

VII. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường định kỳ hằng năm (vào thời điểm cuối năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, kết quả triển khai thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Yêu cầu các sở, ngành, đơn vị và địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Thanh Hóa;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Các cơ sở GDĐH, GDNN trực thuộc tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đầu Thanh Tùng

PHỤ LỤC I

CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030
1	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập có nhân viên y tế trường học chuyên trách, đảm bảo trình độ chuyên môn y tế theo quy định.	51%	52%	55%	58%	60%
2	Tỷ lệ trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dành cho người khuyết tật có nhân viên y tế chuyên trách hoặc được hỗ trợ thường xuyên từ cơ sở y tế địa phương.	80%	85%	90%	95%	100%
3	Tỷ lệ cơ sở giáo dục có phòng y tế riêng biệt và đủ thuốc, trang thiết bị y tế thiết yếu theo quy định	80%	85%	90%	95%	100%
4	Tỷ lệ cơ sở giáo dục có đủ nước uống, nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng theo quy định	80%	85%	90%	95%	100%
5	Tỷ lệ cơ sở giáo dục có công trình vệ sinh đạt chuẩn theo quy định	70%	80%	90%	95%	100%
6	Phấn đấu tỷ lệ cơ sở giáo dục có công trình vệ sinh bảo đảm khả năng tiếp cận, sử dụng đối với người khuyết tật	18%	35%	60%	75%	80%
7	Tỷ lệ cơ sở giáo dục tổ chức bữa ăn bán trú, căng tin trường học bảo đảm các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	93%	95%	96%	98%	100%
8	Tỷ lệ cơ sở giáo dục tổ chức theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, học sinh theo quy định	70%	80%	90%	95%	100%
9	Tỷ lệ cơ sở giáo dục tổ chức hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe học đường	90%	95%	97%	100%	100%
10	Tỷ lệ trẻ em, học sinh được kiểm tra sức khỏe đầu năm học hoặc khám sức khỏe, khám sàng lọc bệnh tật và được cập nhật, quản lý trên Sổ sức khỏe điện tử	60%	70%	80%	90%	100%
11	Tỷ lệ cơ sở giáo dục thực hiện quản lý dữ liệu sức khỏe người học trên nền tảng số theo quy định	50%	70%	85%	95%	100%

PHỤ LỤC II

CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2035

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/ Kết quả	Thời gian thực hiện
I	**Thực hiện cơ chế, chính sách về sức khỏe học đường và tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo**				
1	Tổ chức triển khai Chương trình; rà soát, cụ thể hóa các quy định, cơ chế, chính sách về sức khỏe học đường phù hợp địa phương	Sở GD&ĐT	Sở Y tế và các sở, ngành	Kế hoạch, văn bản hướng dẫn	Năm 2026
2	Lồng ghép mục tiêu, chỉ tiêu Chương trình vào kế hoạch phát triển giáo dục, y tế và phát triển KT-XH của tỉnh	Sở GD&ĐT	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch hằng năm	Hằng năm
3	Kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình	Sở GD&ĐT	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	Báo cáo sơ kết, tổng kết	Hằng năm; 2030; 2035
II	**Ưu tiên bố trí nhân lực chuyên trách và đào tạo, bồi dưỡng nhân viên y tế trường học**				
4	Rà soát, bố trí, củng cố mạng lưới nhân viên y tế trường học theo quy định	Sở GD&ĐT	Sở Nội vụ	Kế hoạch bố trí nhân lực	2026 - 2035
5	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ y tế trường học, dinh dưỡng, sơ cấp cứu, tư vấn tâm lý học đường	Sở Y tế	Sở GD&ĐT	Các lớp tập huấn	Hằng năm

6	Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe người học	Sở GD&ĐT	Các cơ sở đào tạo; Sở Y tế	Đội ngũ được bồi dưỡng	Hằng năm
III	**Bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động sức khỏe học đường**				
7	Rà soát, đầu tư, nâng cấp phòng y tế, phòng tư vấn học đường, thiết bị y tế thiết yếu	Sở GD&ĐT; UBND các xã, phường	Sở Tài chính, Sở Y tế	Cơ sở vật chất được nâng cấp	2026 - 2035
8	Cải thiện công trình nước sạch, nhà vệ sinh, sân chơi, bãi tập và điều kiện tiếp cận cho người khuyết tật	UBND các xã, phường	Sở GD&ĐT, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công trình được đầu tư	2026 - 2035
IV	**Công tác truyền thông, giáo dục, chăm sóc sức khỏe và xây dựng, nhân rộng các mô hình**				
9	Tổ chức truyền thông, giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, tai nạn thương tích, bệnh học đường, dinh dưỡng học đường	Sở GD&ĐT	Sở Y tế	Các hoạt động truyền thông	Hằng năm
10	Tăng cường giáo dục sức khỏe tâm thần; tư vấn tâm lý học đường; phòng chống bạo lực học đường	Sở GD&ĐT	Sở Y tế; Công an tỉnh	Hoạt động tư vấn, truyền thông	Hằng năm
11	Lồng ghép nội dung giáo dục sức khỏe trong chương trình, hoạt động giáo dục và hoạt động trải nghiệm	Sở GD&ĐT	Các cơ sở giáo dục	Nội dung được triển khai	Hằng năm
12	Xây dựng, nhân rộng mô hình trường học nâng cao sức khỏe, trường học an toàn, bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng	Sở GD&ĐT	Sở Y tế	Các mô hình được triển khai	2026 - 2035

V	**Ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe người học**				
13	Triển khai khám sức khỏe, cập nhật dữ liệu người học lên Sổ sức khỏe điện tử, kết nối CSDL quốc gia về dân cư theo Đề án 06	Sở Y tế	Sở GD&ĐT; Công an tỉnh	Dữ liệu sức khỏe điện tử	Theo lộ trình
14	Xây dựng, sử dụng các phần mềm, công cụ số phục vụ quản lý sức khỏe học đường, đánh giá dinh dưỡng và theo dõi sức khỏe người học	Sở GD&ĐT	Sở Y tế	Phần mềm, cơ sở dữ liệu	2026 - 2035
15	Số hóa tài liệu truyền thông, hồ sơ sức khỏe; hoàn thiện cơ sở dữ liệu về điều kiện bảo đảm sức khỏe học đường	Sở GD&ĐT	Sở Y tế	Cơ sở dữ liệu số	2026 - 2035
VI	**Nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc tỉnh**				
16	Xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026 - 2035 phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.	Các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc tỉnh	Sở GD&ĐT; Sở Y tế	Kế hoạch của đơn vị	2026
17	Tổ chức thực hiện các hoạt động về chăm sóc sức khỏe người học theo quy định và của Chương trình.	Các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc tỉnh	Sở Y tế; UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Hằng năm
18	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; cập nhật dữ liệu sức khỏe người học theo lộ trình; kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định.	Các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc tỉnh	Sở GD&ĐT; Sở Y tế; Công an tỉnh; BHXH tỉnh	Dữ liệu được cập nhật; báo cáo	2026 - 2035

19	Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong triển khai các nhiệm vụ của Chương trình; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết theo quy định.	Các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc tỉnh	Sở GD&ĐT và các cơ quan liên quan	Báo cáo định kỳ; báo cáo sơ kết, tổng kết	Hằng năm; sơ kết năm 2030, tổng kết năm 2035
VII	**Tăng cường phối hợp, kiểm tra liên ngành và huy động các nguồn lực xã hội**				
20	Tăng cường phối hợp giữa ngành Giáo dục, Y tế, Công an, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và các cơ quan liên quan	Sở GD&ĐT	Các sở, ngành	Quy chế, kế hoạch phối hợp	Hằng năm
21	Kiểm tra, giám sát liên ngành việc thực hiện công tác y tế trường học, an toàn thực phẩm, chăm sóc sức khỏe người học	Sở GD&ĐT	Sở Y tế và các đơn vị liên quan	Báo cáo kiểm tra	Hằng năm
22	Huy động, lồng ghép các nguồn lực từ ngân sách, chương trình mục tiêu và xã hội hóa để thực hiện Chương trình	Sở Tài chính	Sở GD&ĐT và các sở, ngành	Nguồn lực được bố trí	2026 - 2035